TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2022/DS-PT Ngày: 30-6-2022 V/v *Tranh chấp đòi đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc "*Tranh chấp đòi đất bị lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà Lâm Thị S, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- <u>*Bị đơn:*</u> Ông Lý H, sinh năm 1957 và bà Thạch Thị S, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: số 421/3, Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Triệu Du Long - Văn phòng Luật sư Triệu Du Long, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*</u>

1. Ông Lý H, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

2. Bà Lý Thị Th, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 422/3, Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Phan Đức K, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. Địa chỉ ấp Xây Cáp, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lý Thị H, sinh năm 1948. Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

2. Ông Trang H, sinh năm 1940. Địa chỉ: Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 1984, thời kỳ trang trải đất đai, gia đình bàbà S được Nhà nước lấy phần đất của ông Lý P chia cho gia đình bà diện tích 01 công đất ruộng, sau đó gia đình bà lên liếp, đào mương nước để trồng rẫy. Đến năm 1991, thì bà S đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang cấp bằng khoáng cho bà. Sau đó, đến năm 2010 Ủy ban nhân dân huyện C đổi bằng khoán cho bà tại thửa đất 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bàbà S đứng tên. Trong bằng khoán bà được cấp có phần đất rẫy mà gia đình bà canh tác.

Trong quá trình sử dụng đất, thì phía gia đình ông Lý H và bà Thạch Thị S giáp đất của bà đã lấn chiếm phần đất giáp ranh có số đo chiền ngang 15 mét, chiều dài 88 mét, diện tích 1.320m^2. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà S trả đất cho bà, nhưng gia đình ông H, bà S cố tình không trả đất lấn chiếm cho bà.

Vì vậy, nguyên đơn Lâm Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Buộc ông Lý H và bà Thạch Thị S phải trả lại cho bà diện tích lấn chiếm giáp ranh là 1.320m^2 thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 05, có tổng diện tích 3.710m^2, tọa lạc tại Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Lý H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là trước năm 1975, gia đình ông được cô ruột của ông là Lý Thị S cho phần đất 9 công tầm lớn đất ruộng. Đến năm 1982, Nhà nước có đào kênh thủy lợi cắt ngang phần đất của gia đình ông, nên Nhà nước đổi phần đất của gia đình ông cho gia đình ông Lý C cất nhà, còn gia đình ông được canh tác trên diện tích 1 công (tức là 10 tầm đất ruộng) của gia đình bà Lý Thị H, vì phần đất bà H giáp ranh với phần đất của ông. Đến năm 1987, Nhà nước có chính sách đổi trả đất gốc, nên gia đình ông giao trả đất cho bà H, còn ông C thì giao trả đất cho gia đình ông canh tác. Khi ông C giao đất cho gia đình ông, thì trên phần đất này có trồng rẫy, đào đường nước và gia đình

ông canh tác cho đến nay. Đến năm 1991, gia đình ông được cấp bằng khoán do ông đứng tên, còn phần đất tranh chấp trước đây ông có đi kê khai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng lúc đó chính quyền địa phương nói ông là hộ B nên không làm thủ tục cấp giấy được và từ đó gia đình ông sử dụng và canh tác phần đất tranh chấp này cho đến nay.

Bà Lâm Thị S cho rằng gia đình ông lấn chiếm phần đất của bàbà S là không đúng, đây là phần đất của gia đình ông đổi trả với ông C, nên gia đình ông không đồng ý trả đất cho bà S.

Ngoài ra, ông Lý H làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 020433 do Ủy ban nhân nhân dân huyện C cấp cho bà Lâm Thị S ngày 04/11/2010 để điều chỉnh cấp lại cho đúng với hiện trạng sử dụng đất. Đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận ông là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất đang tranh chấp, giáp ranh giữa thửa đất số 241 của ông và thửa 240 của bà S có diện tích 1.365m^2.

- Bị đơn bà Thạch Thị S trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Lý H nên không có trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý H trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bàbà S và cha mẹ của ông là của cha mẹ ông là ông H, bà S sử dụng và canh tác. Vào năm 2003, thì cha mẹ ông có cho vợ chồng ông làm rẫy chung với cha mẹ ông đến nay. Nay bà S yêu cầu cha mẹ ông trả phần đất 1.230m^2 mà cho rằng cha mẹ ông lấn chiếm là ông không đồng ý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Th trình bày: Bà cũng thống nhất theo ý kiến của chồng bà là ông Lý H và không đồng ý trả phần đất theo yêu cầu của bàbà S.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Trong vụ án này, đối với việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 240, tờ bản đồ số 05 cấp vào ngày 04/11/2010 do bà Lâm Thị S đứng tên và tại thửa số 241, tờ bản đồ số 05 cấp vào ngày 22/11/1991 do ông Lý H đứng tên là cấp đúng trình tự thủ tục, do Ủy ban nhân dân xã xác minh và đề nghị về Ủy ban huyện cấp giấy theo đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của bị đơn Lý H phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Lâm Thị S để điều chỉnh lại cho đúng. Vấn đề này, việc hủy hay không hủy giấy, thì do Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá khi có căn cứ.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 41/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2021, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 244; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S. Buộc các bị đơn ông Lý H, bà Thạch Thị S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý H và bà Thạch Thị Th giao trả lại cho nguyên đơn bà Lâm Thị S phần đất lấn chiếm có diện tích 667m^2 tại thửa 240, tờ bản đồ số 05, có diện tích là 3.710m^2, tọa lạc tại Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 240 còn lại, có số đo 7m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 260, có số đo 7m.

- Hướng Nam giáp thửa đất 261, 262, có số đo 29,68m + 59,14m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 241, có số đo 89, 57m.

* Diện tích: 667m^2.

(có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và yêu cầu công nhận bị đơn là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp giáp ranh giữa thửa 241 của bị đơn và thửa 240 của nguyên đơn có diện tích 1.365m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 04-10-2021, bị đơn Lý H, Thạch Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là công nhận phần đất có diện tích 667,0m^2 nêu trên là quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn và hủy một phần diện tích 667,0m^2 trong thửa 240, tờ bản đồ số 5 trong giấy chứng nhận do bà Lâm Thị S đứng tên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn trình bày:

Bị đơn sử dụng phần đất đang tranh chấp từ thời điểm năm 1982 cho đến hiện nay, sự việc được chứng minh qua lời khai của bà Lý Thị H và ông Trang H mà Tòa án nhân dân huyện C đã ghi vào ngày 10-6-2019, ngoài ra còn được quá trình sử dụng đất của bị đơn còn được chứng minh qua biên bản xác minh vào ngày 20-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Sóc Trăng đối với ông Kim V và Huỳnh Chí C. Đối với nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà bị đơn đang sử dụng tại thửa 240 tờ bản đồ số 5 là không

đúng quy định, vì tại thời điểm cấp vào năm 1991 là thời điểm cấp đại trà, nguyên đơn chỉ cần đi khai là được cấp giấy chứng nhận, đến năm 2010 khi nguyên đơn cũng không đủ điều kiện để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn cũng không đúng quy định pháp luật. Ngoài ra trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bị đơn có làm đơn để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành đo đạc, thẩm định lại phần đất. Tại biên bản bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định phần đất tranh chấp tại thửa số 240, tờ bản đồ số 05, có diện tích 1.068,2m^2, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Lâm Thị S đứng tên, do đó xin thay đổi bổ sung kháng cáo đối với phần diện tích đất là 1.068,2m^2 so với đơn kháng cáo của bị đơn, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì đề nghị hủy án trả về cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo của bị đơn là cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị đơn sửa bản án sơ thẩm số 41/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người làm chứng đều đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại đất bị lấn, chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là phù hợp. Sau khi có kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, thì lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại đất bị lấn, chiếm"

là chưa đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử cần bổ sung như sau: "Tranh chấp đòi lại đất bị lấn, chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

[4]. Về phần diện tích đất tranh chấp: Sau khi kháng cáo bị đơn có làm đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc, thẩm định lại phần đất vì cho rằng tại buổi đo đạc, thẩm định ngày 06-6-2019 số đo không chính xác và không có mặt vợ chồng bị đơn tham gia. Tại biên bản bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định phần đất tranh chấp tại thửa số 240, tờ bản đồ số 05, có diện tích 1.068,2m^2, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Lâm Thị S đứng tên. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất và xác định phần diện tích đất tranh chấp là 667,0m^2 thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Lâm Thị S theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C. Vì Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định phần đất tranh chấp có diện tích 667,0m^2 như trên là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn cũng như xem xét trong phạm vi kháng cáo của bị đơn. Do đó đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về thay đổi, bổ sung kháng cáo là không có cơ sở.

[5]. Xét kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc đất theo nguyên đơn cho rằng đất này có nguồn gốc của ông Lý Phonl, đến năm 1984 Nhà nước có chính sách trang trải đất đai nên đã lấy phần đất khoảng 01 đất ruộng này giao cho gia đình nguyên đơn. Còn bị đơn cho rằng phần đất này có nguồn gốc của gia đình bà Lý Thị H. Năm 1987 Nhà nước có chính sách đổi trả đất gốc, thì phần đất này được trả lại cho bà H, tuy nhiên bà H không sử dụng nên cho gia đình bị đơn sử dụng phần đất nêu trên cho đến nay. Quan hệ giữa bà Lý Thị H và ông Lý P là chị em ruột, như vậy đã xác định được nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình của bà Lý Thị H, ông Lý P. Qua thời kỳ trang trải đất đai, sau đó là chính sách trả đất gốc cho chủ đất thì Nhà nước đã trả phần đất này cho bà H là có cơ sở. Nội dung sự việc này là phù hợp với biên bản ghi lời khai của Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 10/6/2019 đối với bà Lý Thị H cũng xác định *"Nguồn gốc đất trước đây là của tôi (Lý Thị H) chính thức diện tích khoảng 01 công tầm nhà nước. Sau đó vào khoảng năm 1981 hay năm 1982 lâu quá tôi không nhớ, thì lúc đó Nhà nước có lệnh trang trải đất đai cho hộ B tức là chi cho ông Lý H quản lý sử dụng, đến khoảng năm 1991, thì nhà nước lấy lại trả cho tôi (Lý Thị H), nhưng tôi (H) không có canh tác, vì đất lúc đó đã lên bờ kênh còn diện tích rất nhỏ giáp với đất ông Lý H, nên tôi (bà H) không sử dụng, còn phần đất mà ông Lý H đang canh tác sử dụng là của ông Lý H từ trước tới nay… Tôi biết rất rõ, là đất này ông Lý H sử dụng và canh tác từ trước cho đến nay, còn bà S không có canh tác và sử dụng, vì đất gốc là đất của tôi (bà H), Nhà nước cấp cho ông Lý H."*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất Nhà nước giao phần đất tranh chấp cho nguyên đơn sử dụng tại giai đoạn nhà nước trang trãi đất đai là chưa chính xác.

[6]. Xét quá trình sử dụng đất, nguyên đơn cho rằng đã sử dụng đất này từ năm 1984 khi được Nhà nước giao đất cho đến năm 1993 bị gia đình bị đơn chiếm

đất sử dụng, nhưng nguyên đơn lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn đã có thời gian sử dụng đất nêu trên. Ngoài ra nếu nguyên đơn có sử dụng đất đến thời điểm năm 1993 và khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010 (do thành lập huyện C) nếu có đo đạc thực tế theo như nguyên đơn trình bày cũng như Công văn số 422/UBND-VP ngày 03/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C thì sẽ phát sinh tranh chấp. Mặt khác tại Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày là bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết trả lại phần đất thuộc thửa 240 theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho bà. Tại buổi thẩm định của Tòa án tỉnh Sóc Trăng thì nguyên đơn đã chỉ ranh đất thửa 240 lấn qua phần đất thuộc thửa 241 của bị đơn là 256m^2. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét xác định lại diện tích đất thuộc thửa 240 của bà, còn diện tích đất thuộc thửa 241 thì bà không có yêu cầu, vì thửa đất đó là của bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Như vậy, cho thấy rằng nguyên đơn không xác định được phần đất mà mình yêu cầu phía bị đơn phải trả lại trên thực tế, mà nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn phải trả lại phần đất có chiều ngang 15m, dài 88m như đơn khởi kiện đã trình bày.

[7]. Xét lời trình bày của bị đơn về quá trình sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại Biên bản lấy lời khai bà Lý Thị H là chủ đất gốc, ông Trang H là trưởng ban tài chính ấp trước đây cùng ngày 10/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã xác định phần đất đang tranh chấp là vợ chồng bị đơn đã sử dụng từ trước cho đến hiện nay, cũng như tại biên bản xác minh ngày 20-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với ông Kim V là trưởng ban nhân dân ấp G thời điểm từ năm 1990 đến 1994 và ông Huỳnh Chí C nguyên là Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã A, huyện C là người sử dụng phần đất giáp với phần đất đang tranh chấp (Thửa 262) từ thời điểm năm 1988 đến 1994 đều xác định là phần đất đang tranh chấp vợ chồng bị đơn sử dụng từ trước cho đến hiện nay và không thấy gia đình nguyên đơn sử dụng đất. Từ những chứng cứ trên có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bị đơn đã sử dụng phần đất đang tranh chấp từ thời điểm trang trãi đất cho đến nay.

[8]. Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 240 cho nguyên đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Vào năm 1991, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp đại trà, căn cứ theo việc kê khai, đăng ký nguyên đơn, không có đo đạc thực tế, diện tích thửa 240 được cấp là 3.710m^2. Sau đó, đến ngày 04/11/2010, Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 020433 cho nguyên đơn tại thửa 240 nêu trên cũng với diện tích 3.710m^2 và cũng không có tiến hành đo đạc thực tế, vì nếu có tiến hành đo đạc thực tế thì sẽ phát sinh tranh chấp tại thời điểm năm 2010 vì gia đình bị đơn là người đang sử dụng đất. Như vậy Công văn số 422/UBND-VP ngày 03/7/2017, của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 020433 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị S ngày 04/11/2010 đối với thửa số 240, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.710m^2 loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp đổi trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 811254

do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện C) cấp cho bà Lâm Thị S ngày 22/11/1991, có đo đạc thực tế và có số đo cụ thể từng cạnh là không có cơ sở và chưa đúng theo quy định pháp luật.

[9]. Từ những tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, cũng như trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn trên đã có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định được phần đất tranh chấp do bị đơn sử dụng liên tục từ khai được trang trãi đất vào năm 1982 cho đến nay là trên 30 năm, còn nguyên đơn chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm qua phần diện tích mà bị đơn đang quản lý, sử dụng ở thửa 240. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn giao trả diện tích đất tranh chấp 667,0m^2 thuộc thửa 240 là không có cơ sở. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 020433 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị S ngày 04/11/2010 có diện tích đất tranh chấp là 667,0m^2 thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Lâm Thị S và công nhận diện tích đất tranh chấp trên là quyền sử dụng đất hợp pháp của bị đơn là có căn cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn là hoàn toàn không có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án của cấp sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[10] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét lời trình bày của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 20-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, nên án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị đơn được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm nên các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[14]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn

được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu chi phí nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Lý H và bà Thạch Thị S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 20-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 244; điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 100, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S, về việc buộc các bị đơn ông Lý H, bà Thạch Thị S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý H và bà Thạch Thị Thươl giao trả lại cho nguyên đơn bà Lâm Thị S phần đất lấn chiếm có diện tích 667,0m^2 thuộc thửa 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 240 còn lại, có số đo 7m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 260, có số đo 7m.

- Hướng Nam giáp thửa đất 261, 262, có số đo 29,68m + 59,14m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 241, có số đo 89,57m.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn ông Lý H và bà Thạch Thị S.

2.1. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 020433 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Lâm Thị S ngày 04/11/2010 có diện tích đất là 667,0m^2 thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do bà Lâm Thị S. Phần đất có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 240 còn lại, có số đo 7m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 260, có số đo 7m.

- Hướng Nam giáp thửa đất 261, 262, có số đo 29,68m + 59,14m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 241, có số đo 89, 57m.

2.2. Công nhận phần diện tích đất 667,0m^2 thuộc thửa số 240, tờ bản đồ số 05, tọa lạc Ấp G, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho ông Lý H và bà Thạch Thị S. Phần đất có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất 240 còn lại, có số đo 7m.

- Hướng Tây giáp thửa đất 260, có số đo 7m.

- Hướng Nam giáp thửa đất 261, 262, có số đo 29,68m + 59,14m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 241, có số đo 89,57m.

(Có sơ đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lâm Thị S phải chịu là 14.943.463 đồng. Do bà S đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng và bị đơn đã nộp tạm ứng số tiền 8.943.463 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền bà S còn phải nộp số tiền 8.943.463 đồng để hoàn trả lại cho ông H và bà S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị S được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý H và bà Thạch Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Định